

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ban, ngành tỉnh,  
Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau”;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm; có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 và những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT UBND tỉnh (b/c-VIC);
- Các Phó CT UBND tỉnh (để biết-VIC);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (theo dõi);
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng CCHC;
- Lưu: VT. Tr 04/6.



**Nguyễn Tiến Hải**

PHỤ LỤC


(Kèm theo Quyết định số: 971 /QĐ-UBND ngày 01/16/2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh)



1. Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh

STT	Đơn vị	Điểm điều tra	Điểm thăm định	Điểm trừ	Điểm đạt được/điểm tối đa	Chỉ số CCHC (tỉ lệ % giữa điểm đạt được và điểm tối đa)
1	Sở Công Thương	31,26	55,5		86,76/100	86,76%
3	Sở Tài chính	33,06	52,7		85,76/100	85,76%
2	Sở Tư pháp	31,15	56	2	85,15/100	85,15%
4	Văn phòng UBND tỉnh	32,64	49	1	80,64/95	84,88%
5	Sở Nội vụ	31,85	51		82,85/100	82,85%
6	Thanh tra tỉnh	29,26	44		73,26/89	82,31%
7	Sở Thông tin và Truyền thông	32,32	51,38	2	81,7/100	81,70%
8	Sở Khoa học và Công nghệ	31,3	51	2	80,3/100	80,30%
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	31,56	52	4	79,56/100	79,56%
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	31,48	46	2	75,48/95	79,45%
11	Sở Giao thông vận tải	31,47	49,9	2	79,37/100	79,37%
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	31,01	49	3	77,01/100	77,01%
13	Ban Dân tộc	23,28	35,86	2	57,14/76	75,18%
14	Sở Xây dựng	31,31	47,72	5	74,03/100	74,03%
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30,68	49,28	6	73,96/100	73,96%
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	31,78	50,96	10	72,74/100	72,74%
17	Ban Quản lý Khu kinh tế	32,65	48,5	9	72,15/100	72,15%
18	Sở Y tế	30,97	49,5	10	70,47/100	70,47%
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31,22	44	6	69,22/100	69,22%

2. Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thành phố

STT	 Đơn vị	Điểm điều tra	Điểm thẩm định	Điểm trừ	Chỉ số CCHC (tỉ lệ % giữa điểm đạt được và điểm tối đa)
1	Huyện Phú Tân	25,09	57,97		83,06%
2	Huyện Năm Căn	25,76	54,74		80,5%
3	Huyện Cái Nước	25,37	55	2	78,37%
4	Huyện Trần Văn Thời	26,38	52,88	2	77,26%
5	Huyện Đầm Dơi	26,41	53,73	4	76,14%
6	Huyện U Minh	26,15	54,98	5	76,13%
7	Huyện Thới Bình	24,94	54,13	4	75,07%
8	Thành phố Cà Mau	25,7	54,48	6	74,18%
9	Huyện Ngọc Hiển	23,45	48,87	1	71,32%